

Số: 87 /TTr-UBND

Kbang, ngày 11 tháng 10 năm 2025

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương**  
**trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã khoá I, kỳ họp thứ Tư.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 9 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân xã Lơ Ku (trước sáp nhập) về dự toán thu ngân sách trên địa bàn xã, thu chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang về phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang.

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét thông qua Nghị quyết về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã Kbang năm 2025, như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS năm 2025.

+ Kinh phí trước điều chỉnh: 2.828 triệu đồng

+ Điều chỉnh giảm các Dự án 8, Dự án 9, Dự án 10 với số tiền 503 triệu đồng;

+ Điều chỉnh tăng Dự án 3 với số tiền 1.200,898 triệu đồng;

+ Kinh phí sau điều chỉnh: 3.525,898 triệu đồng.

*(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)*

2. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.

+ Kinh phí trước điều chỉnh: 2.041 triệu đồng;

+ Điều chỉnh giảm tiêu dự án Dự án 4 với số tiền: 581 triệu đồng;

+ Kinh phí sau điều chỉnh: 1.460 triệu đồng.

*(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)*

*(Gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã)*

Ủy ban nhân dân xã kính đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết nghị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Đảng uỷ xã (b/c);
- Đại biểu HĐND xã khoá I;
- Phòng Kinh tế xã;
- Phòng Văn hóa – Xã hội xã;
- Lưu: VT, KT, Q.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Cường**

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KBANG

(Kèm theo Tờ trình số 87 /TTr-UBND ngày 11/10 / 2025 của UBND xã Kbang)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	<b>TỔNG SỐ</b>	2.828,000	2.192,000	0	636,000	697,898	683,088	25,937	11,127	3.525,898	2.875,088	25,937	624,873
	<b>TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG</b>					1.200,898	1.156,088	25,937	18,873				
	<b>TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM</b>					-503,000	-473,000	0,000	-30,000				
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	272,000	272,000	0	0	0				272,000	272,000	0,000	0,000
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	140,000	140,000	0	0	0				140,000	140,000	0,000	0,000
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	132,000	132,000	0	0	0				132,000	132,000	0,000	0,000
<b>3</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	1.074,000	1.015,000		59,000	1.200,898	1.156,088	25,937	18,873	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873
3.2	Tiêu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	1.074,000	1.015,000		59,000	1.200,898	1.156,088	25,937	18,873	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873
<b>4</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	502,000	432,000		70,000					502,000	432,000	0	70,000
4.1	Tiêu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502,000	432,000		70,000					502,000	432,000	0	70,000
<b>5</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	477,000	0,000		477,000					477,000	0	0	477,000

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	477,000	0,000		477,000					477,000	0	0	477,000
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	285,000	260,000		25,000	-260,000	0	-25,000	0	0	0	0	0
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	50,000	50,000		0,000	-50,000	0	0	0	0	0	0	0
7.1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	50,000	50,000		0,000	-50,000	0	0	0	0	0	0	0
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	168,000	163,000	0,000	5,000	-163,000	0	-5,000	0	0	0	0	0
8.1	Tiểu dự án 1: Biều dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	154,000	150,000		4,000	-150,000		-4,000		0	0	0	0
8.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	14,000	13,000		1,000	-13,000		-1,000		0	0	0	0

PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Tờ trình số 87 /TT-UBND ngày 10/ 2025 của UBND xã Kbang)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 ((Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025))					Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)					Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	<b>TỔNG SỐ</b>	2.041,00	1.857,00	-	184,00	-	-581,00	-	-	-	1.460,00	1.276,00	-	184,00		
	<b>TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG</b>															
	<b>TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM</b>															
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	851	773	0	78						851	773	0	78		
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	210	191	0	19						210	191	0	19		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	210	191	0	19						210	191	0	19		
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	811	737	0	74						230	156	0	74		
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	539	490	0	49						200	151	0	49		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	272	247	0	25						30	5		25		
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	169	156	0	13						169	156	0	13		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	94	87	0	7						94	87	0	7		
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	75	69	0	6						75	69	0	6		

DỰ THẢO

Kbang, ngày tháng năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình  
mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KBANG  
KHÓA I KỲ HỌP THỨ TƯ (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 9 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang.*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang.*

**Điều 1.** Quyết định điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã Kbang, như sau:

**1.** Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS năm 2025.

- + Kinh phí trước điều chỉnh: 2.828 triệu đồng
- + Điều chỉnh giảm các Dự án 8, Dự án 9, Dự án 10 với số tiền 503 triệu đồng;
- + Điều chỉnh tăng Dự án 3 với số tiền 1.200,898 triệu đồng;
- + Kinh phí sau điều chỉnh: 3.525,898 triệu đồng.

*(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)*

**2.** Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.

- + Kinh phí trước điều chỉnh: 2.041 triệu đồng;
- + Điều chỉnh giảm tiêu dự án Dự án 4 với số tiền: 581 triệu đồng;
- + Kinh phí sau điều chỉnh: 1.460 triệu đồng.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo thường trực Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

**2.** Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Kbang Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu số 7 HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Tổ đại biểu HĐND, Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan đơn vị xã;
- Trưởng các thôn, làng trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VP.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Dũng**

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KBANG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / 2025 của HĐND xã Kbang)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	<b>TỔNG SỐ</b>	2.828,000	2.192,000	0	636,000	697,898	683,088	25,937	11,127	3.525,898	2.875,088	25,937	624,873
	<b>TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG</b>					1.200,898	1.156,088	25,937	18,873				
	<b>TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM</b>					-503,000	-473,000	0,000	-30,000				
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	272,000	272,000	0	0	0	0			272,000	272,000	0,000	0,000
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	140,000	140,000	0	0	0	0			140,000	140,000	0,000	0,000
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	132,000	132,000	0	0	0	0			132,000	132,000	0,000	0,000
<b>3</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	1.074,000	1.015,000		59,000	1.200,898	1.156,088	25,937	18,873	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873
3.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	1.074,000	1.015,000		59,000	1.200,898	1.156,088	25,937	18,873	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873
<b>4</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	502,000	432,000		70,000					502,000	432,000	0	70,000
4.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502,000	432,000		70,000					502,000	432,000	0	70,000
<b>5</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	477,000	0,000		477,000					477,000	0	0	477,000

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
5.1	Tiểu dự án 1: Đối mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	477,000	0,000		477,000					477,000	0	0	477,000
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	285,000	260,000		25,000	-260,000	0	-25,000	0	0	0	0	0
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	50,000	50,000		0,000	-50,000	0	0	0	0	0	0	0
7.1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	50,000	50,000		0,000	-50,000	0	0	0	0	0	0	0
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	168,000	163,000	0,000	5,000	-163,000	0	-5,000	0	0	0	0	0
8.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	154,000	150,000		4,000	-150,000		-4,000		0	0	0	0
8.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	14,000	13,000		1,000	-13,000		-1,000		0	0	0	0

PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / 2025 của HĐND xã Kbang)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 ((Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025))					Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)					Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	<b>TỔNG SỐ</b>	2.041,00	1.857,00	-	184,00	-	-581,00	-	-	-	1.460,00	1.276,00	-	184,00		
	<b>TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG</b>															
	<b>TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM</b>						-581	0	0							
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	851	773	0	78						851	773	0	78		
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống	210	191	0	19						210	191	0	19		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	210	191	0	19						210	191	0	19		
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	811	737	0	74		-581				230	156	0	74		
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	539	490	0	49		-339				200	151	0	49		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	272	247	0	25		-242				30	5		25		
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	169	156	0	13		0	0	0		169	156	0	13		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	94	87	0	7						94	87	0	7		
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	75	69	0	6						75	69	0	6		